

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2018
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Cảnh.

2. Ông Nguyễn Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị B, sinh năm 1969. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Lê Văn A, sinh năm 1968. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đinh Thị B trình bày:

Bà và ông Lê Văn A chung sống với nhau từ năm 1989, đến năm 1996 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian chung sống, ông A thường xuyên chơi bời, cờ bạc gây nợ nần, không lo làm ăn. Vào năm 2011, ông A có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con. Bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông A vẫn không thay đổi. Do cảm thấy cuộc hôn nhân này không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông A.

Về con chung: Giữa bà và ông A có 02 con chung tên là Lê Văn A1, sinh năm 1990 (chết năm 2011) và Lê Huy L, sinh ngày 29/7/2003. Cháu L đang sống chung với bà. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông A cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà B không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà B khai không có.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 23/5/2018, bị đơn ông Lê Văn A trình bày:

Ông đồng ý và thống nhất với lời trình bày của bà B về thời gian chung sống,

con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì ông cho rằng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về vấn đề quản lý tiền bạc, bà B toàn quyền quản lý và quyết định về vấn đề kinh tế trong gia đình, không tôn trọng ý kiến của ông. Ngoài ra, bà B còn nghi ngờ ông có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng thực tế không có chuyện này. Hiện tại ông vẫn còn tình cảm với bà B, muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình nên không đồng ý ly hôn. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B thì ông đồng ý để con chung là cháu Huy L cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng. Tài sản chung ông và bà B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Văn A là bị đơn trong vụ án có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại xã B, huyện C nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm. Ông A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà Đinh Thị B và ông Lê Văn A chung sống với nhau vào năm 1989 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 1996. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà B cho rằng trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông A thường xuyên tham gia chơi đánh bạc, không quan tâm chăm lo cho gia đình, có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, tình cảm vợ chồng đã không còn, gia đình không có hạnh phúc nên xin được ly hôn. Ông A thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, bất đồng về vấn đề quản lý tiền bạc. Bà B không tin tưởng ông, nghi ngờ ông có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng thực tế không có việc này. Hiện tại ông vẫn còn tình cảm với bà B và không đồng ý ly hôn. Mặc dù Tòa án đã hòa giải, động viên bà B và ông A hàn gắn, đoàn tụ cùng nhau chăm lo xây dựng lại hạnh phúc gia đình nhưng bà B vẫn cương quyết ly hôn với ông A. Xét thấy, tại Điều 2 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...”. Nhưng giữa bà B và ông A lại xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, không cùng nhau quan tâm, chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình. Ngoài ra, theo nguồn thông tin thu thập được từ địa phương thể hiện: cuộc sống hôn nhân của bà B và ông A phát sinh mâu thuẫn cách đây khoảng 03 năm, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Hiện nay ông A không còn sống chung với bà B. Con chung của ông A và bà B do bà B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của bà B và ông A đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B.

[3] Về con chung: Giữa bà và ông A có 02 con chung tên là Lê Văn A1, sinh năm 1990 (chết năm 2011) và Lê Huy L, sinh ngày 29/7/2003. Bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông A cấp dưỡng. Ông A cũng đồng ý để cháu Long

cho bà trực tiếp nuôi, ông không cấp dưỡng. Ngoài ra, sau khi được hỏi ý kiến thì cháu Long cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, việc giao cháu L cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Bà B và ông A không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà B và ông A khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà B phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị B. Bà Đinh Thị B được ly hôn với ông Lê Văn A.

Về con chung: Bà B và ông A có 02 con chung tên là Lê Văn A1, sinh năm 1990 (chết năm 2011) và Lê Huy L, sinh ngày 29/7/2003. Giao cháu Huy L cho bà B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận bà B không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông A được quyền thăm nom con không ai được cản trở ông thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Bà B và ông A không tranh chấp, về nợ chung: Bà B và ông A khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị B phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0016683 ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Bà B đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Thị Gấm